|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 26/12/2023 | 28/12/2023 |
| 19/12/2023 | Tiết | 4 | 5 |
| Lớp | 9C | 9D |

...............................................................

**Tiết 34: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức, kỹ năng:** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a) Kiến thức***

- Biết hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.

- Hiểu để phân loại, so sánh các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.

- Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

***b. Kĩ năng***

+ Tiếp tục rèn luyện kĩ năng tư duy lí luận, trong đó chủ yếu là kĩ năng so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Các phẩm chất***

**-** Phát huy tính chăm chỉ, tự học, sống có tinh thần và trách nhiệm trong cụng việc.

***b. Các năng lực chung***:

- Năng lực giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác

***c. Các năng lực chuyên biệt***

- Năng lực hiểu biết sinh học, nghiên cứu.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập, giấy nháp

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (5 phút)**

**-** Kiểm tra sự chuẩn bị kiến thức của HS ở đề cương

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **HOẠT ĐỘNG**  ***Hệ thống hoá kiến thức(18phút)*** | | |
| + Yêu cầu hoàn thành bảng kiến thức từ 40.1 đến 40.5  - GV quán sát, hướng dẫn các nhóm ghi kiến thức cơ bản.  - GV nhận xét, đánh giá giúp HS hoàn thiện kiến thức.  - GV chiếu lần lượt các bảng kiến thức chuẩn. | - Các nhóm thảo luận thống nhất nội dung bảng 40.1,2,3,4,5 trong VBT.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS tự sửa chữa và ghi vào vở bài tập. | |
| **\*Kết luận**  **I. Hệ thống hoá kiến thức**  - Các bảng kiến thức chuẩn. | | |

***Bảng 40.1 - Tóm tắt các quy luật di truyền***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên quy luật** | **Nội dung** | **Giải thích** | **Ý nghĩa** |
| **Phân li** | *Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P.* | *Các nhân tố di truyền không hoà trộn vào nhau.*  *- Phân li và tổ hợp của cặp gen tương ứng.* | *- Xác định tính trội (thường là tính trạng tốt).* |
| **Phân li độc lập** | *Các căp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.* | *F2 có tỉ lệ mỗi kiểu hình bằng tích tỉ lệ của các tính trạng hợp thành nó.* | *Tạo biến dị tổ hợp.* |
| **Di truyền liên kết** | *Nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gen trên một NST cùng phân li trong quá trình phân bào.* | *Các gen liên kết cùng phân li với NST trong phân bào.* | *Tạo sự di truyền ổn định của cả nhóm tính trạng có lợi.* |
| **DT liên kết với giới tính** | *ở các loài giao phối tỉ lệ đực; cái xấp xỉ 1:1* | *Phân li và tổ hợp của cặp NST giới tính.* | *Điều khiển tỉ lệ đực: cái.* |

***Bảng 40.2 - Những diễn biến cơ bản của NST***

***qua các kì trong nguyên phân và giảm phân***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các kì** | **Nguyên phân** | **Giảm phân I** | **Giảm phân II** |
| **Kì đầu** | *NST kép co ngắn, đóng xoắn và đính vào sợi thoi phân bào ở tâm động.* | *NST kép co ngắn, đóng xoắn. Cặp NST kép tương đồng tiếp hợp theo chiều dọc và bắt chéo.* | *NST kép co ngắn lại thấy rõ số lượng NST kép (đơn bội).* |
| **Kì giữa** | *Các NST kép co ngắn cực đại và xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.* | *Từng cặp NST kép xếp thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.* | *Các NST kép xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.* |
| **Kì sau** | *Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực TB* | *Các NST kép tương đồng phân li độc lập về 2 cực tế bào.* | *Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực tế bào.* |
| **Kì cuối** | *Các NST đơn nằm gọn trong nhân với số lượng bằng 2n như ở tế bào mẹ.* | *Các NST kép nằm gọn trong nhân với số lượng n (kép) bằng 1 nửa ở TB mẹ.* | *Các NST đơn nằm gọn trong nhân với số lượng bằng n (NST đơn).* |

***Bảng 40.3 - Bản chất và ý nghĩa của các quá trình***

***nguyên phân, giảm phân và thụ tinh***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các quá trình** | **Bản chất** | **ý nghĩa** |
| **Nguyên phân** | *Giữ nguyên bộ NST, nghĩa là 2 tế bào con được tạo ra có 2n*  *NST giống như mẹ.* | *Duy trì ổn định bộ NST trong sự lớn lên của cơ thể và ở loài sinh snả vô tính.* |
| **Giảm phân** | *Làm giảm số lượng NST đi 1 nửa, nghĩa là các TB con được tạo ra có số lượng NST (n) bằng1/2 của*  *TB mẹ.* | *Góp phần duy trì ổn định bộ NST qua các thế hệ ở loài sinh sản hữu tính và tạo ra nguồn biến dị tổ hợp.* |
| **Thụ tinh** | *Kết hợp 2 bộ nhân đơn bội (n) thành bộ nhân lưỡng bội (2n).* | *Góp phần duy trì ổn định bộ NST qua các thế hệ ở loài sinh sản hữu tính và tạo ra nguồn biến dị tổ hợp.* |

***Bảng 40.4 - Cấu trúc và chức năng của ADN, ARN và prôtêin***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại phân tử** | Cấu trúc | Chức năng |
| **AND** | *- Chuỗi xoắn kép*  *- 4 loại nuclêôtit: A, T, G, X* | *- Lưu giữ thông tin di truyền*  *- Truyền đạt thông tin di truyền.* |
| **ARN** | *- Chuỗi xoắn đơn*  *- 4 loại nuclêôtit: A, U, G, X* | *- Truyền đạt thông tin di truyền*  *- Vận chuyển axit amin*  *- Tham gia cấu trúc ribôxôm.* |
| **Prôtêin** | *- Một hay nhiều chuỗi đơn*  *- 20 loại aa.* | *- Cấu trúc các bộ phận TB, enzim xúc tác quá trình TĐC, hoocmon điều hoà hoạt động của các tuyến, vận chuyển, cung cấp năng lượng.* |

***Bảng 40.5 - Các dạng đột biến***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các loại đột biến** | Khái niệm | Các dạng đột biến |
| **Đột biến gen** | *Những biến đổi trong cấu trúc cấu ADN thường tại 1 điểm nào đó* | *Mất, thêm, thay thé, đảo vị trí 1 cặp nuclêôtit.* |
| **ĐB cấu trúc NST** | *Những biến đổi trong cấu trúc NST.* | *Mất, lặp, đảo đoạn.* |
| **ĐB số lượng NST** | *Những biến đổi về số lượng NST.* | *Dị bội thể và đa bội thể.* |

**C. Hoạt động luyện tập (**xen kẽ trong giờ học)

**D. Hoạt động vận dụng (5 ph)**

- GV kiểm tra một số câu hỏi trong đề cương.

**E. Hoạt động tìm tòi và mở rộng (2ph)**

- Ôn lại phần biến dị và di truyền.

- Giờ sau kiểm tra học kì

**IV. PHỤ LỤC**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................